

Chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam: Hành trình, thành tựu và tầm nhìn chiến lược

Nguyễn Yến Ngọc*

Tóm tắt: Từ năm 1986, khi bắt đầu công cuộc Đổi mới, Việt Nam từng bước chuyển từ nền kinh tế tương đối khép kín sang nền kinh tế có độ mở cao và với sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Đến hết năm 2025, GDP đạt khoảng 514 tỷ USD, kim ngạch xuất nhập khẩu 930,05 tỷ USD và Việt Nam tham gia 17 hiệp định thương mại tự do. Bài viết phân tích quá trình đổi mới tư duy và thực tiễn hội nhập qua các kỳ đại hội Đảng, đồng thời chỉ ra những thách thức về phụ thuộc kinh tế đối ngoại và năng lực nội sinh của Việt Nam. Định hướng hội nhập toàn diện, sâu rộng được tiếp tục khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào tháng 01 năm 2026, gắn với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển vào năm 2045. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đa dạng hóa thị trường và đối tác đầu tư, chủ động chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững.

Từ khóa: hội nhập quốc tế; Đảng Cộng sản Việt Nam; phát triển bền vững; tầm nhìn 2045.

Ngày nhận: 18/6/2025; ngày chỉnh sửa: 22/10/2025; ngày chấp nhận đăng: 30/8/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.3.1>

1. Mở đầu

Hội nhập quốc tế là xu thế khách quan, tất yếu của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ, đồng thời là lựa chọn chiến lược để nâng cao vị thế quốc gia - dân tộc. Đối với Việt Nam, hội nhập không chỉ là mở cửa và tham gia các định chế quốc tế, mà là chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn với yêu cầu phát triển đất nước bền vững, bảo đảm độc lập, tự chủ và nâng cao vị thế quốc tế. Từ Đại hội VI (1986), đặc biệt với Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị

về hội nhập kinh tế quốc tế, tư duy hội nhập từng bước được mở rộng từ kinh tế sang chính trị, quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội. Đại hội XIII tiếp tục xác định hội nhập quốc tế là nội dung trọng yếu của chiến lược phát triển đất nước, gắn với yêu cầu “nâng cao năng lực thích ứng, khả năng cạnh tranh, kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021 tập I: 165). Đại hội XIV (19-23/01/2026) tiếp tục phát triển định hướng này theo tinh thần “tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình tăng trưởng”, gắn hội nhập giai đoạn 2026-2030 với tầm nhìn phát triển đất

* Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;
email: yennogcnd@gmail.com

nước đến năm 2045 (Đảng Cộng sản Việt Nam 2026: 4-6).

Sau 40 năm Đổi mới, hội nhập đã góp phần đưa Việt Nam từ một nền kinh tế khép kín, bị bao vây, cấm vận trở thành nền kinh tế có độ mở cao và một thành viên tích cực, chủ động, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việc gia nhập ASEAN năm 1995, WTO năm 2007 và tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã mở rộng không gian hợp tác, thúc đẩy thương mại, đầu tư và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, môi trường quốc tế biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, biến đổi khí hậu, xung đột và các vấn đề an ninh phi truyền thống đặt ra yêu cầu mới đối với hội nhập. Thách thức về năng suất, công nghệ, năng lực thể chế, sự phụ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, cùng sức ép từ chuyển đổi số và chuyển đổi xanh đòi hỏi Việt Nam không chỉ mở rộng quan hệ đối ngoại mà còn phải củng cố nội lực, nâng cao khả năng tự chủ và thích ứng chiến lược. Hội nhập vì vậy ngày càng gắn chặt với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và tự cường của đất nước.

Hội nhập quốc tế của Việt Nam đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ, tiêu biểu qua các công trình của Vũ Khoan (2001), Nguyễn Phú Trọng (2005, 2021), Nguyễn Cảnh Dinh (2015), Phạm Văn Đức (2015), Nguyễn Vũ Tùng (2018, 2019), Phạm Cao Phong (2020), v.v.. Các chuyên khảo như *Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới* (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009), *Hội nhập quốc tế và vai trò của Việt Nam trong ASEAN* (Nguyễn Thị Thanh Nga 2016) và *Ngoại giao đa phương Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (Lê Hoài Trung 2020)

cung cấp cơ sở tư liệu quan trọng về quá trình hình thành, vận động và thành tựu của hội nhập quốc tế dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu tập trung vào từng lĩnh vực, chủ yếu là kinh tế và đối ngoại; cách tiếp cận tổng hợp, hệ thống chủ trương hội nhập trên các phương diện tư tưởng, tổ chức và hành động, gắn với so sánh kinh nghiệm quốc tế, vẫn cần được tiếp tục làm rõ.

Trên cơ sở đó, bài viết khái quát, hệ thống và phân tích chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam như một tiến trình thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; làm rõ những thành tựu, thách thức và triển vọng chiến lược trong giai đoạn mới. Cách tiếp cận của bài viết nhấn mạnh hội nhập không chỉ là phương thức thúc đẩy phát triển mà còn là phương thức củng cố độc lập, chủ quyền, nâng cao năng lực tự chủ và khả năng thích ứng của Việt Nam trong môi trường quốc tế biến động.

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp từ văn kiện Đảng, báo cáo của Cục Thống kê (Bộ Tài chính), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính), Niên giám Thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội và các công trình nghiên cứu học thuật. Dữ liệu trong giai đoạn 1986-2026 được đối chiếu, ưu tiên các thông tin cập nhật sau Đại hội XIV. Phương pháp định tính được sử dụng để phân tích nội dung văn kiện và nhận diện sự chuyển biến trong tư duy chiến lược; phương pháp định lượng được sử dụng để phân tích, so sánh một số chỉ số kinh tế như GDP và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Từ năm 1986 khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới, hội nhập quốc tế đã chuyển từ mở cửa kinh tế sang hội nhập ngày càng sâu rộng và toàn diện, gắn với mở rộng quan hệ đối ngoại, tham gia các tổ chức và cơ chế hợp tác khu vực, quốc tế, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thích ứng. Thực tiễn đó cho thấy sự chuyển biến từ tư duy “hội nhập kinh tế” sang “hội nhập quốc tế toàn diện”,

trong đó kết hợp chặt chẽ giữa mở rộng và phát huy ngoại lực với củng cố nội lực, bảo đảm độc lập, tự chủ. Đây là nền tảng để Việt Nam thực hiện mục tiêu phát triển phồn vinh, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu vào năm 2045, được xác định tại Đại hội XIII và tiếp tục cụ thể hóa tại Đại hội XIV của Đảng.

2. Hành trình hội nhập quốc tế: Từ Đổi mới đến vị thế toàn cầu

Hành trình hội nhập quốc tế của Việt Nam không phải là sự hòa nhập thụ động trước làn sóng toàn cầu hóa, mà là một quá trình lựa chọn chiến lược chủ động, được dẫn dắt nhất quán và nhất thể hóa trong đường lối phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bốn thập kỷ qua, từ một quốc gia bị bao vây cấm vận, nền kinh tế trì trệ, đến một Việt Nam năng động, mở cửa sâu rộng và có tiếng nói đáng kể trong các thể chế đa phương, thành quả đó phản ánh rõ bản lĩnh

chính trị, tư duy cải cách, cùng năng lực thích ứng linh hoạt của Đảng trước những chuyển động nhanh chóng và phức tạp của tình hình quốc tế.

Một trong những chuyển biến đáng chú ý từ sau Đổi mới năm 1986 là quá trình điều chỉnh và mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước còn gặp nhiều khó khăn, Việt Nam từng bước mở rộng quan hệ với các quốc gia, tham gia các tổ chức và cơ chế hợp tác khu vực, quốc tế, đồng thời tăng cường hợp tác kinh tế với bên ngoài. Quá trình này được triển khai từng bước, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể của đất nước. Từ mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế đến tham gia ngày càng nhiều hơn vào các cơ chế hợp tác quốc tế, phạm vi và mức độ hội nhập của Việt Nam từng bước được mở rộng. Đây là một nội dung đáng chú ý khi xem xét quá trình đổi mới tư duy và thực tiễn đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Bảng 1: Các cột mốc then chốt trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam (1986-2026)

Năm	Sự kiện chính	Ý nghĩa
1986	Đại hội VI: Đổi mới	Khởi động chính sách mở cửa, đổi mới kinh tế
1995	Gia nhập ASEAN	Bước chuyển sang hội nhập khu vực
2007	Gia nhập WTO	Hội nhập theo khuôn khổ luật lệ đa phương
2018	Ký CPTPP (thực hiện từ 2018-2019)	Tiếp cận thị trường và chuẩn mực thương mại cao
2019	Ký EVFTA (hiệu lực 2020)	Tăng cường tiếp cận thị trường EU và nâng chuẩn quản trị
2020	Tham gia RCEP	Mở rộng liên kết khu vực Châu Á-Thái Bình Dương
2021	Đại hội XIII: Tầm nhìn 2045	Đặt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào 2045
2023-2025	Cải thiện chỉ số vĩ mô; mở rộng FDI và thương mại	Đánh giá: tăng trưởng, nhưng vẫn còn rủi ro phụ thuộc
2026	Đại hội XIV: Tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình tăng trưởng	Xác định giai đoạn phát triển 2026-2030 gắn với tầm nhìn 2045

Giai đoạn khởi đầu: Đổi mới và mở cửa (1986-1995)

Bước ngoặt tại Đại hội VI (1986) không chỉ đơn thuần là đổi mới về kinh tế, mà còn mở ra một định hướng chiến lược mới về đối ngoại, lần đầu tiên hội nhập quốc tế được nhìn nhận như một yếu tố cấu thành trong chiến lược phát triển quốc gia. Đảng khẳng định rõ: “Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại là một khâu đột phá quan trọng để khắc phục khủng hoảng và thúc đẩy phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1986: 45). Trong bối cảnh đó, các bước đi như ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (1987), khôi phục quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, cải thiện quan hệ với các nước phương Tây, v.v. không chỉ là quyết sách hành chính, mà là biểu hiện cụ thể của sự chuyển hóa tư duy chiến lược: Từ định hướng đóng kín sang mở cửa, từ lệ thuộc viện trợ sang khai thác nguồn lực toàn cầu (Nguyễn Vũ Tùng 2018: 94). Điều quan trọng là, dù chưa có đầy đủ nền tảng pháp lý hay kinh nghiệm hội nhập, Đảng vẫn xác định rõ lộ trình hội nhập từng bước, thận trọng nhưng kiên định. Hội nhập lúc này không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, mà còn là công cụ tháo gỡ thế bế tắc về chính trị - ngoại giao, mở rộng “biên độ chiến lược” để từng bước tái thiết đất nước sau chiến tranh.

Gia nhập ASEAN (1995): Từ thế bị cô lập đến hội nhập khu vực chủ động. Sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN năm 1995 mang ý nghĩa bước ngoặt không chỉ đánh dấu việc Việt Nam chính thức thoát khỏi thế bị cô lập kéo dài sau chiến tranh, mà còn là biểu hiện của tư duy chuyển từ hội nhập bị động sang hội nhập chủ động, có lựa chọn. Đây là lần đầu tiên Đảng đưa ra định hướng hội nhập gắn với hội nhập khu vực, từng bước tham gia vào các thể chế kinh tế - chính trị - an ninh đa phương, tạo nền tảng cho các bước hội nhập toàn cầu sau

này. Từ đây, Việt Nam từng bước tham gia các cơ chế hợp tác của ASEAN, đồng thời điều chỉnh chính sách và hoàn thiện các điều kiện trong nước để đáp ứng yêu cầu hội nhập. Quá trình này diễn ra cùng với việc mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với các nước trong khu vực và các đối tác bên ngoài. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ trương hội nhập từng bước được cụ thể hóa qua các chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại, tạo điều kiện để Việt Nam mở rộng không gian hợp tác và tham gia ngày càng sâu hơn vào các liên kết khu vực, quốc tế.

Gia nhập WTO (2007): Hội nhập toàn cầu ở cấp độ cao

Việc Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 là dấu mốc cho thấy tư duy hội nhập của Đảng đã đạt độ trưởng thành mới: Từ hội nhập khu vực sang hội nhập toàn cầu có ràng buộc pháp lý cao. Đây là bước chuyển từ “tham gia” sang “cam kết”. Việt Nam không chỉ có mặt trong các sân chơi quốc tế, mà còn chấp nhận những ràng buộc thể chế sâu rộng, đòi hỏi minh bạch hóa, cải cách và hiện đại hóa khung pháp lý kinh tế. Đảng xác định WTO không chỉ là một sân chơi thương mại, mà còn là đòn bẩy thúc đẩy đổi mới toàn diện trong nước: cải cách môi trường đầu tư, nâng cao năng lực thể chế, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021 tập 2: 154-159). Từ đó, Việt Nam từng bước chuyển mình từ một nền kinh tế còn nhiều hạn chế thành một quốc gia có năng lực cạnh tranh và hội nhập sâu, trở thành đối tác đáng tin cậy trong các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hội nhập sâu rộng thông qua FTA thế hệ mới: Nâng tầm chiến lược hội nhập

Trên nền tảng WTO, chủ trương hội nhập của Đảng tiếp tục được cụ thể hóa mạnh mẽ qua chiến lược đàm phán và ký kết các hiệp

định thương mại tự do (FTA) thể hệ mới những hiệp định không chỉ về cắt giảm thuế quan, mà bao trùm cả các lĩnh vực pháp lý, lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ, và cải cách thể chế. CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA, v.v. là biểu hiện cụ thể của tư duy hội nhập toàn diện, đa tầng, đa phương và mang tính kiến tạo thể chế.

Đáng chú ý, các FTA thể hệ mới là biểu tượng của hội nhập chủ động có điều kiện, Việt Nam không chỉ tham gia mà còn đặt ra điều kiện bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Đảng khẳng định trong văn kiện Đại hội XIII: “Hội nhập phải đi đôi với nâng cao năng lực nội sinh, sức chống chịu và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021 tập II: 337). Đây chính là nền tảng để bảo đảm độc lập, tự chủ trong hội nhập - một nguyên tắc xuyên suốt trong tư duy đối ngoại của Đảng. Hội nhập thông qua FTA thể hệ mới không chỉ mang lại tăng trưởng về xuất nhập khẩu, mà còn là chất xúc tác cho quá trình tái cấu trúc kinh tế, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và từng bước đưa Việt Nam tiến vào giai đoạn phát triển dựa trên tri thức, sáng tạo, giá trị gia tăng cao.

Hành trình hội nhập quốc tế của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng là một tiến trình có định hướng chiến lược, phát triển từng bước, từ mở cửa đến hội nhập khu vực, rồi toàn cầu, và hiện nay là hội nhập sâu rộng, có chất lượng. Điều quan trọng nhất là sự hội nhập đó không phá vỡ nguyên tắc độc lập - tự chủ, mà làm giàu thêm nội lực dân tộc, mở rộng không gian phát triển và nâng cao thể và lực của quốc gia trong một thế giới đang vận động không ngừng. Đây chính là biểu hiện sinh động và sắc nét nhất cho tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh chính trị của Đảng trong lãnh đạo công cuộc phát triển đất nước thời kỳ hội nhập.

3. Thành tựu đạt được: Sức mạnh từ hội nhập

Chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là định hướng chiến lược về đối ngoại, mà còn là một đòn bẩy mang tính cấu trúc nhằm thúc đẩy đổi mới mô hình phát triển, nâng cao nội lực quốc gia và khẳng định vị thế của đất nước trong hệ thống toàn cầu. Trải qua gần bốn thập kỷ kể từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới (1986), tiến trình hội nhập đã mang lại những thành tựu to lớn và toàn diện, phản ánh rõ nét sự kết hợp hài hòa giữa bản lĩnh chính trị, tư duy kinh tế hiện đại và năng lực thích ứng của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa không ngừng biến đổi.

Tăng trưởng kinh tế vượt bậc và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân

Một trong những minh chứng rõ ràng nhất cho thành công của chủ trương hội nhập là sự tăng trưởng kinh tế vượt trội, bền vững và mang lại cải thiện rõ rệt trong đời sống nhân dân. Dưới sự lãnh đạo nhất quán của Đảng, Việt Nam đã từng bước chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, kém hiệu quả, sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có tính mở, năng động và hội nhập cao. Trong giai đoạn 1986-2000, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt khoảng 7,6%/năm, một con số ấn tượng trong bối cảnh nhiều quốc gia chuyển đổi khác còn loay hoay tìm mô hình phù hợp (World Bank 2001: 3). Thành quả này tạo tiền đề để Việt Nam bước vào thế kỷ XXI với một cấu trúc kinh tế linh hoạt, có khả năng tiếp nhận và lan tỏa các giá trị của nền kinh tế toàn cầu.

Việc gia nhập WTO năm 2007 đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hội nhập sâu rộng, đồng thời là một phép thử đối với năng lực thể chế khi nền kinh tế phải vận hành theo các chuẩn mực toàn cầu. Theo số liệu

chính thức của Cục Thống kê (Bộ Tài chính), quy mô GDP theo giá hiện hành của Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024, với tốc độ tăng trưởng cả năm đạt 8,02% - mức cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025, đưa quy mô nền kinh tế Việt Nam lên vị trí khoảng thứ 32 thế giới (Cục Thống kê - Bộ Tài chính 2026). Không chỉ mở rộng về quy mô, nền kinh tế còn cải thiện về chất lượng tăng trưởng, với năng suất lao động và hiệu quả sử dụng vốn được nâng lên rõ rệt.

Những tiến bộ về kinh tế vĩ mô đã chuyển hóa thành thành quả cụ thể trong cải thiện chất lượng sống của người dân. Từ mức thu nhập bình quân đầu người chỉ 98 USD vào năm 1990, đến năm 2025 con số này đã đạt khoảng 5.026 USD (Cục Thống kê - Bộ Tài chính 2026), phản ánh sự gia tăng đáng kể về phúc lợi kinh tế.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% (1993) xuống còn dưới 2,9% (2023), tuổi thọ trung bình dân số tăng từ 68 lên 73 tuổi (UNDP 2024). Những số liệu này không đơn thuần là các chỉ báo thống kê, mà là minh chứng sinh động cho hiệu quả chính sách, năng lực quản trị quốc gia và khả năng phân bổ lợi ích hội nhập một cách hài hòa. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tổ chức từ ngày 19 đến ngày 23/01/2026 tại Hà Nội, quan điểm phát triển của Đảng tiếp tục được kế thừa và bổ sung với yêu cầu “tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình phát triển”, đồng thời “xác lập mô hình tăng trưởng mới”; các mục tiêu của giai đoạn 2026-2030 được gắn với tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 (Đảng Cộng sản Việt Nam 2026: 1, 4-6).

Động lực từ thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài

Hội nhập quốc tế được Đảng xác định là phương tiện để mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư và tăng cường

chuyển giao công nghệ, những yếu tố then chốt để tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững. Từ một quốc gia bị cấm vận và có nền kinh tế khép kín, Việt Nam đã bứt phá ngoạn mục với kim ngạch xuất khẩu từ 789 triệu USD (1986) tăng lên 14,5 tỷ USD (2000), gấp gần 20 lần trong vòng 15 năm (Trần Văn Thọ và cộng sự 2013: 62). Đây không chỉ là sự gia tăng về lượng mà còn phản ánh bước dịch chuyển chiến lược từ “kinh tế hướng nội” sang “kinh tế hướng ngoại”, tận dụng ưu thế so sánh và nguồn lực toàn cầu.

Sau năm 2007, với sự gia nhập WTO và quá trình đàm phán, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là CPTPP, EVFTA, RCEP, Việt Nam đã mở rộng không gian thương mại tới hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ; các đối tác trong những FTA này có tổng quy mô kinh tế chiếm trên 90% GDP toàn cầu. Theo số liệu của Cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm 2024, trong đó xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD (tăng 17,0%) và nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD (tăng 19,4%); cán cân thương mại xuất siêu 20,03 tỷ USD, đánh dấu năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam duy trì thặng dư thương mại (Cục Thống kê - Bộ Tài chính 2026). Kết quả này đưa Việt Nam vào nhóm khoảng 15-20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới, cho thấy năng lực cạnh tranh hàng hóa không chỉ đến từ lợi thế chi phí mà còn từ mức độ hội nhập ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một thành tố khác không thể thiếu trong kiến tạo động lực tăng trưởng từ hội nhập. Sau khi ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (1987), Việt Nam liên tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nguồn vốn chiến lược. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt hơn 4.150,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước và là mức cao nhất từ trước đến

nay (Cục Thống kê - Bộ Tài chính 2026). FDI không chỉ cung cấp tài chính mà còn mang lại công nghệ và kỹ năng quản lý, giúp Việt Nam từng bước xây dựng ngành công nghiệp hỗ trợ, nâng cao trình độ sản xuất và tạo việc làm.

Gia tăng vị thế quốc gia và dấu ấn toàn cầu

Một thành tựu mang tính chiến lược và dài hạn là việc hội nhập quốc tế đã góp phần nâng cao đáng kể vị thế và ảnh hưởng quốc tế của Việt Nam. Từ một quốc gia nghèo, lạc hậu, từng chịu bao vây cấm vận, Việt Nam đã vươn lên trở thành đối tác tin cậy, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Việc được tin nhiệm bầu vào Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hai nhiệm kỳ (2008-2009, 2020-2021), tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, đóng góp tích cực vào các chương trình nghị sự toàn cầu như phát triển bền vững (SDGs), biến đổi khí hậu (COP26) là minh chứng cho uy tín chính trị và khả năng định hình chính sách toàn cầu của Việt Nam.

Bứt phá trong kinh tế số và đổi mới sáng tạo

Một dấu ấn đặc biệt của hội nhập quốc tế trong giai đoạn gần đây là tác động tích cực đến quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế số và đổi mới sáng tạo lĩnh vực được xem là động lực tăng trưởng của tương lai. Với định hướng chiến lược từ Đại hội XIII, Việt Nam đã xác lập mục tiêu đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021 tập I: 88-89); định hướng này tiếp tục được nhấn mạnh tại Đại hội XIV gắn với yêu cầu đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Đảng Cộng sản Việt Nam 2026: 4, 6, 8-9). Việt Nam hiện có khoảng 3.800 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (trong đó nhiều tên tuổi đã vươn ra thị trường khu vực như VNG, MoMo, Tiki, v.v..

Kết quả này có được nhờ chủ trương hội nhập đã mở ra các kênh tiếp nhận công nghệ, tri thức và kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu. Đồng thời, đây cũng là minh chứng cho việc hội nhập không chỉ là tham gia vào sân chơi quốc tế, mà là quá trình tự tái cấu trúc và nâng cấp năng lực cạnh tranh nội tại đúng với tinh thần “phát triển nhanh và bền vững trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” được xác định trong Văn kiện Đại hội XIII.

4. Định hướng chiến lược: Tầm nhìn dưới ánh sáng của Đảng

Nguyên tắc và mục tiêu chiến lược

Từ năm 2000 đến 2026, chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng đã không ngừng phát triển, chuyển từ nhận thức “hội nhập kinh tế” sang một hệ thống chiến lược hội nhập toàn diện. Từ Đại hội IX (2001), Đảng xác định chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, gắn kết chặt chẽ với phát triển thể chế và chủ quyền quốc gia. Đến Đại hội X (2006), tư duy này được nâng lên: hội nhập không chỉ để tham gia, mà phải chủ động định hình các tiến trình hợp tác khu vực và toàn cầu, với việc Việt Nam gia nhập WTO ngày 11/1/2007 là bước ngoặt đưa đất nước vào sân chơi hội nhập toàn diện. Đại hội XI (2011) và XII (2016) tiếp tục mở rộng tư duy này sang các lĩnh vực chính trị, an ninh, văn hóa, đồng thời khẳng định vai trò hội nhập như một động lực xây dựng vị thế quốc gia, hài hòa giữa bảo vệ chủ quyền và phát triển theo hướng hòa bình (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021 tập I: 161-163). Giai đoạn 1986-2000 tạo cơ sở quan trọng cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đại hội VII của Đảng (1991) xác định phương châm đối ngoại: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”

(Bộ Giáo dục và Đào tạo 2021: 272-274). Đại hội VIII (1996) tiếp tục đề ra chủ trương “xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu...” (Bộ Giáo dục và Đào tạo 2021: 285-287). Những định hướng này tạo tiền đề cho bước phát triển mới trong tư duy hội nhập tại Đại hội IX (2001), với chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế” (Bộ Giáo dục và Đào tạo 2021: 296-298).

Tại Đại hội XIII (2021), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra tầm nhìn chiến lược cho hội nhập quốc tế, thể hiện qua đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Đường lối này, được phân tích dưới lăng kính chủ nghĩa tự do, nhấn mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, nhằm tối ưu hóa lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Lợi ích quốc gia được cụ thể hóa qua các thành tựu như tham gia Hiệp định CPTPP, EVFTA, hay cân bằng quan hệ với các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc, đảm bảo cả phát triển kinh tế và an ninh. Mục tiêu chiến lược không chỉ dừng ở tăng trưởng kinh tế mà hướng tới phát triển bền vững, phù hợp với Khung mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc, với các chỉ số cụ thể như nâng cao Chỉ số phát triển con người (HDI) và thực hiện cam kết giảm phát thải carbon tại COP26. Việt Nam cũng khẳng định vai trò quốc tế thông qua đóng góp tích cực tại ASEAN (Chủ tịch 2020) và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2020-2021), thể hiện sự đa phương hóa hiệu quả. Tầm nhìn này, với đích đến là trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045, phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa nội lực và ngoại lực. Sự lãnh đạo chiến lược của Đảng đã đảm bảo việc tích hợp giá trị văn hóa dân tộc với xu thế hội nhập toàn cầu, tạo nền tảng cho một Việt Nam thịnh vượng và có tiếng nói quan trọng trên trường quốc tế.

Đại hội XIV tổ chức từ ngày 19 đến 23/01/2026 tại Hà Nội với chủ đề “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”, Đảng tiếp tục khẳng định yêu cầu tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình tăng trưởng và hoàn thiện thể chế phát triển, gắn kết mục tiêu của giai đoạn 2026-2030 với tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 (Đảng Cộng sản Việt Nam 2026: 1, 4-6). Đây là cơ sở chính trị quan trọng để hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới tiếp tục chuyển từ “tham gia” sang “dẫn dắt, định hình” hợp tác quốc tế, đặc biệt thông qua các FTA thế hệ mới, đồng thời gắn với mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Từ năm 2000 đến 2021, Việt Nam đã ký kết hơn 10 hiệp định thương mại đa phương và song phương, đẩy mạnh cải cách thể chế phục vụ hội nhập, đồng thời tham gia các thiết chế đa phương như ASEAN, APEC, WTO, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS). Hội nhập chính trị, an ninh cũng được thúc đẩy mạnh: Việt Nam tích cực tham gia ASEAN, APEC, ASEM, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; trên Biển Đông, Đảng khẳng định giải quyết tranh chấp trên cơ sở UNCLOS, đối thoại linh hoạt với các cường quốc lớn để giữ môi trường ổn định. Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ - giáo dục, Việt Nam đạt vị trí hàng đầu ASEAN về tỷ lệ phủ sóng 5G; kinh tế số đóng góp 16,5-18,5% GDP năm 2023-2024 và được kỳ vọng đạt 20% vào 2025 (Phuong Anh 2025). Hợp tác giáo dục quốc tế như Erasmus+ và các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) quốc tế thúc đẩy đổi mới sáng tạo rõ rệt.

Yếu tố phát triển bền vững được thể hiện ngày càng rõ nét trong định hướng chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng tăng cường các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, đồng thời thúc đẩy các dự án điện gió, điện mặt trời và các giải pháp năng lượng thân thiện với môi trường. Trên cơ sở

đó, Đảng nhấn mạnh phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và sử dụng hiệu quả tài nguyên là những định hướng có ý nghĩa nền tảng, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của hội nhập quốc tế. Một điểm nhấn chiến lược khác là chủ trương “mở cửa thông minh” kết hợp với tăng cường nội lực quốc gia. Theo đó, địa phương và doanh nghiệp được khuyến khích thu hút FDI xanh, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 28,3% vào năm 2024; mục tiêu chi cho R&D là 2% GDP vào 2030 (Quỳnh Trang 2025).

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt nhiều thách thức: cơ cấu xuất khẩu phụ thuộc lớn vào các thị trường như Mỹ, EU, Trung Quốc; rủi ro từ tình trạng hàng hóa trung chuyển qua Việt Nam các hàng hóa Trung Quốc vào Mỹ mà vẫn qua Việt Nam phải chịu thuế cao, một vấn đề mà Thái Lan đã giảm thiểu bằng cách đa dạng hóa sớm hơn (World Bank 2024). Các chuẩn mực cao trong CPTPP/EFTA đòi hỏi năng lực thể chế vượt trội, nhưng Việt Nam còn thiếu so với Indonesia ở cải cách lao động. Biến đổi khí hậu đặc biệt ảnh hưởng đến đồng bằng sông Cửu Long buộc phải đầu tư mạnh cho thích ứng, nếu không sẽ chịu thiệt hại trung bình 1–1,5% GDP mỗi năm (Vietnamnet Global 2023). Nhiều tổ chức quốc tế như OECD dự báo tăng trưởng GDP 2025 rơi vào khoảng 6.2-6.6% thay vì 8% như mục tiêu chính phủ xác lập (BN 2025). Trước bối cảnh đó, Đảng đề ra một số định hướng giải pháp như đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nâng cao kỹ năng lao động và tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đồng thời cải cách thể chế nhằm nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia. Đây là nền tảng để Việt Nam hội nhập một cách chủ động, bản lĩnh và sáng tạo, đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất của kỷ nguyên cạnh tranh chiến lược toàn cầu.

Hội nhập toàn diện: Từ kinh tế đến văn hóa và an ninh

Tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam những năm gần đây không còn giới hạn ở kinh tế mà ngày càng mở rộng sang chính trị, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Định hướng này được xác định từ Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, với mục tiêu tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế quốc gia (Cổng Thông tin điện tử Chính phủ 2015). Trong định hướng hiện nay, hội nhập kinh tế tiếp tục giữ vai trò trung tâm, đồng thời đẩy mạnh hội nhập về chính trị, quốc phòng, an ninh, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác, qua đó mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực tự chủ của đất nước (Cổng Thông tin điện tử Chính phủ 2025).

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành một phương diện quan trọng của hội nhập. Trong Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2025, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xếp Việt Nam thứ 44 trong số các nền kinh tế được đánh giá, trong đó chỉ số đầu ra đổi mới sáng tạo đứng thứ 37 (WIPO 2025). Kết quả này cho thấy sự cải thiện về năng lực đổi mới sáng tạo, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng thể chế, nguồn nhân lực và khả năng hấp thụ công nghệ.

Hội nhập cũng góp phần tạo điều kiện để Việt Nam tiếp cận tri thức, nguồn lực và kinh nghiệm quốc tế phục vụ phát triển con người. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2025 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), HDI của Việt Nam năm 2023 đạt 0,766, xếp thứ 93/193 quốc gia và vùng lãnh thổ, thuộc nhóm các quốc gia có mức phát triển con người cao; so với năm

1990, HDI tăng từ 0,499 lên 0,766 (UNDP Việt Nam 2025). Đây là kết quả tổng hợp của nhiều chính sách phát triển, trong đó hội nhập quốc tế là một điều kiện quan trọng.

Trong lĩnh vực phát triển bền vững, hội nhập ngày càng gắn với việc tham gia giải quyết các vấn đề chung của khu vực và thế giới. Việt Nam đã cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) năm 2022 và đăng ký chính thức với Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Theo NDC cập nhật, đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu giảm 15,8% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường bằng nguồn lực trong nước; mức giảm có thể đạt 43,5% nếu nhận được hỗ trợ quốc tế phù hợp (UNFCCC 2022: 2-3, 9-10). Việc tham gia các cơ chế quốc tế về biến đổi khí hậu vừa thể hiện trách nhiệm quốc tế, vừa tạo điều kiện tiếp cận nguồn lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm phục vụ chuyển đổi mô hình phát triển. Tăng cường tham gia hợp tác quốc tế về môi trường, biến đổi khí hậu, nguồn nước và phòng chống thiên tai cũng được xác định trong Chương trình hành động của Chính phủ về hội nhập quốc tế (Cổng Thông tin điện tử Chính phủ 2014).

Hội nhập toàn diện đồng thời gắn chặt với đối ngoại, quốc phòng, an ninh và bảo vệ lợi ích quốc gia. Việt Nam mở rộng hợp tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường năng lực dự báo và xử lý các thách thức an ninh, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển (Cổng Thông tin điện tử Chính phủ 2014). Đối với các vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia trên Biển Đông, Việt Nam kiên trì giải quyết bất đồng bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Qua đó, hội nhập trở thành một phương thức để Việt Nam tham gia và sử dụng các cơ chế song phương, đa phương nhằm bảo vệ lợi ích

chính đáng của quốc gia, đồng thời kết hợp mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với bảo đảm độc lập, tự chủ và an ninh quốc gia.

Chuyển đổi số cũng ngày càng giữ vị trí quan trọng trong quá trình phát triển và hội nhập. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt *Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, xác định mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực vươn ra thị trường quốc tế. Trong bối cảnh công nghệ trở thành yếu tố quan trọng của năng lực cạnh tranh quốc gia, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và các tập đoàn công nghệ, đồng thời chủ động tham gia các khuôn khổ, quy tắc và cơ chế quản trị quốc tế về công nghệ mới. Vì vậy, hội nhập công nghệ không chỉ là tiếp nhận thành tựu bên ngoài mà còn hướng tới nâng cao năng lực làm chủ, thích ứng và từng bước tham gia xây dựng các chuẩn mực quốc tế.

Trong văn hóa, giáo dục và đào tạo, hội nhập tạo điều kiện tiếp cận tri thức, kinh nghiệm quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Chương trình hành động của Chính phủ về hội nhập quốc tế xác định việc gắn hội nhập với các chiến lược phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, qua đó tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và tăng cường quảng bá hình ảnh đất nước (Cổng Thông tin điện tử Chính phủ 2014). Hội nhập vì vậy vừa là quá trình tiếp nhận tri thức, giá trị và kinh nghiệm quốc tế, vừa là phương thức giới thiệu các giá trị văn hóa Việt Nam và tăng cường giao lưu giữa các cộng đồng.

Nhìn tổng thể, hội nhập quốc tế của Việt Nam đang được triển khai ngày càng đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh đến khoa học - công nghệ, văn hóa, giáo dục và phát triển bền

vững. Kinh tế vẫn giữ vai trò trung tâm, nhưng hội nhập trong các lĩnh vực khác ngày càng tác động trực tiếp đến năng lực cạnh tranh, không gian phát triển và khả năng thích ứng của đất nước. Vì vậy, hội nhập quốc tế không chỉ là mở rộng quan hệ đối ngoại mà còn gắn với phát triển nội lực và bảo vệ lợi ích quốc gia. Hiệu quả của quá trình hội nhập trong những năm tới sẽ phụ thuộc vào khả năng kết hợp nguồn lực quốc tế với nâng cao năng lực tự chủ, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng của Việt Nam.

Phát huy nội lực: Sức mạnh từ toàn dân

Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán quan điểm hội nhập quốc tế phải gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát huy nội lực của đất nước. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị xác định hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị; đồng thời đặt mục tiêu tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quảng bá hình ảnh Việt Nam, tăng cường sức mạnh tổng hợp và nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước (Bộ Chính trị 2013).

Trên tinh thần đó, Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 định hướng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, có quản trị hiện đại, giá trị gia tăng cao và tác động lan tỏa; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp FDI và nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ (Bộ Chính trị 2019).

Hội nhập bền vững cũng đòi hỏi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 đặt mục tiêu chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn của các nước phát

triển trong khu vực ASEAN và thế giới, đồng thời thúc đẩy công nhận lẫn nhau về trình độ và kỹ năng nghề (Thủ tướng Chính phủ 2021).

Trong bối cảnh đó, “nội lực” cần được hiểu không chỉ là tiềm lực kinh tế mà còn bao gồm năng lực thể chế, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, năng lực hấp thụ công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực. GDP Việt Nam năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, cho thấy nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng và khả năng phục hồi trước những biến động bên ngoài (Cục Thống kê 2025).

Thách thức và giải pháp trong bối cảnh mới

Hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội mở rộng thị trường và thu hút đầu tư, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức đối với khả năng chống chịu của nền kinh tế. Việt Nam là một trong những nền kinh tế có độ mở cao; theo World Bank, tỷ lệ thương mại hàng hóa và dịch vụ so với GDP của Việt Nam ở mức gần 170%, khiến nền kinh tế nhạy cảm với các biến động của kinh tế thế giới (World Bank 2026).

Mức độ phụ thuộc đáng kể vào khu vực FDI trong hoạt động xuất khẩu cũng cho thấy yêu cầu phải nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong nước. Năm 2024, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, kể cả dầu thô, đạt kim ngạch xuất khẩu 290,94 tỷ USD, chiếm 71,7% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam (Cục Thống kê 2025).

Bên cạnh những cơ hội về thương mại và đầu tư, Việt Nam còn đối mặt với những hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực, trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA đặt ra yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, lao động và tính minh bạch của chuỗi cung ứng.

Biến đổi khí hậu và yêu cầu giảm phát thải cũng tạo thêm sức ép đối với mô hình phát triển và hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Theo NDC cập nhật năm 2022, Việt Nam cam kết đến năm 2030 giảm 15,8% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường bằng nguồn lực trong nước; mức giảm có thể đạt 43,5% nếu nhận được hỗ trợ quốc tế phù hợp (Bộ Tài nguyên và Môi trường 2022: 2-3, 9-10).

Trước thực trạng đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng; đặt mục tiêu đến năm 2030, kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển đạt 2% GDP (Bộ Chính trị 2024).

Nhìn lại gần bốn thập niên đổi mới và hội nhập, có thể thấy hội nhập quốc tế đã trở thành một bộ phận quan trọng trong đường lối phát triển của Việt Nam. Quá trình đó không chỉ mở rộng quan hệ và không gian phát triển, mà còn đặt ra yêu cầu thường xuyên về củng cố nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của nền kinh tế.

Trong bối cảnh thế giới tiếp tục biến động nhanh và khó dự báo, hiệu quả của hội nhập không chỉ phụ thuộc vào mức độ mở cửa hay phạm vi tham gia các cơ chế quốc tế, mà còn gắn với năng lực chuyển hóa các cơ hội từ bên ngoài thành nguồn lực cho phát triển trong nước. Vì vậy, kết hợp hài hòa giữa phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực, giữa hội nhập sâu rộng với giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục là yêu cầu có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phát triển của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Tuyên bố sử dụng AI: Tác giả không sử dụng AI trong quá trình viết bài báo này.

Tài liệu trích dẫn

- BN. 2025. “Kim ngạch xuất nhập khẩu vượt 390 tỷ USD, hàng loạt nhóm ngành tăng tốc”. Truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2025.
<https://kinhtemoitruong.vn/kim-ngach-xuat-nhap-khau-vuot-390-ty-usd-hang-loat-nhom-nganh-tang-toc-99860.html>
- Bộ Chính trị. 2013. *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế*.
- Bộ Chính trị. 2019. *Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*.
- Bộ Chính trị. 2024. *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2021. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2022. *Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam: Cập nhật năm 2022*. Truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2025.
<https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-11/Viet%2520Nam%2520NDC%25202022%2520Update.pdf>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. 2014. “Chương trình hành động của Chính phủ về hội nhập quốc tế”. Truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2025.
<https://vpcp.chinhphu.vn/chuong-trinh-hanh-dong-cua-chinh-phu-ve-hoi-nhap-quoc-te-11510148.htm>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. 2015. “Hội nghị toàn quốc về hội nhập quốc tế”. Truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2025.
<https://vpcp.chinhphu.vn/hoi-nghi-toan-quoc-ve-hoi-nhap-quoc-te-11513243.htm>
- Cục Thống kê. 2025. “Thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2024”. Truy cập ngày 25 tháng 7 năm 2025.
<https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>

- Cục Thống kê - Bộ Tài chính. 2026. “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025”. Truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2026. <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1986. *Văn kiện Đại hội VI*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 về hội nhập kinh tế quốc tế*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, II. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2026. *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. Hà Nội, tháng 01 năm 2026.
- Lê Hoài Trung. 2020. *Ngoại giao đa phương Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Cảnh Dinh. 2015. *Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Phú Trọng. 2005. *Đổi mới tư duy lý luận trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Phú Trọng. 2021. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Thị Thanh Nga. 2016. *Hội nhập quốc tế và vai trò của Việt Nam trong ASEAN*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Vũ Tùng. 2018. *Đổi ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới: Những bước tiến chiến lược*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Vũ Tùng. 2019. *Chính sách đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Phạm Cao Phong. 2020. *Hội nhập quốc tế của Việt Nam: Thành tựu và thách thức*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Phạm Văn Đức. 2015. *Kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Phương Anh. 2025. “Kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng”. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2025. <https://nhandan.vn/kinh-te-tiep-tuc-da-tang-truong-post894242.html>
- Quỳnh Trang. 2025. “Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm”. Truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2025. <https://nhandan.vn/xuat-khau-tiep-tuc-la-diem-sang-cua-nen-kinh-te-trong-6-thang-dau-nam-post891992.html>
- Tạp chí Tổ chức Nhà nước. 2019. “Một số vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”. Truy cập ngày 10 tháng 3 năm 2025. <https://tcnn.vn/news/detail/42929/Motso-van-de-ve-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-cua-Viet-Nam.html>
- Thủ tướng Chính phủ. 2021. *Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Trần Văn Thọ (Chủ biên). 2013. *Đổi mới kinh tế ở Việt Nam: Nhìn lại và đi tới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức.
- UNDP. 2024. *Human Development Report 2024: Vietnam*. New York: United Nations Development Programme.
- UNDP Việt Nam. 2025. *Việt Nam duy trì mức Phát triển Con người cao: Báo cáo của UNDP*. Truy cập ngày 28 tháng 4 năm 2026. <https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/viet-nam-duy-tri-muc-phat-trien-con-nguoi-cao-bao-cao-cua-undp>
- United Nations Framework Convention on Climate Change. 2022. *Viet Nam's Nationally Determined Contribution: Updated in 2022*. Truy cập ngày 28 tháng 4 năm 2026. <https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-11/Viet%2520Nam%2520NDC%25202022%2520Update.pdf>
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 2009. *Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Vũ Khoan. 2001. *Hội nhập kinh tế quốc tế: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- World Bank. 2001. *Vietnam 2010: Entering the 21st century*. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2024. *East Asia and Pacific Economic Update*. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2026. “Viet Nam Overview”. Truy cập 10 tháng 8 năm 2026.

<https://www.worldbank.org/ext/en/country/vietnam/fragments/context>

World Intellectual Property Organization. 2025. *Global Innovation Index 2025: Viet Nam*. Truy cập 12 tháng 8 năm 2026.

<https://www.wipo.int/edocs/gii-ranking/2025/vn.pdf>